

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 149/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2017

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Ông Ngô Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 317/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm B, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê H, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn G, xã C, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày ngày 16/3/2017, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm N trình bày:

Bà Phạm B và ông Lê H tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố N. Sau khi kết hôn bà N về sống cùng với gia đình chồng tại thôn N, xã C, thành phố N. Bà và ông H sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn, do tính tình và nhận thức giữa các bên khác nhau. Quá trình chung sống ông H đã không tôn trọng bà, xúc phạm và sử dụng bạo lực gây thương tích cho bà. Vì quá sợ hãi nên bà đã về nhà cha mẹ bà để sinh sống. Nay, bà không còn tình cảm với ông H nữa, bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông H. Về con chung: Giữa bà và ông H chưa có con chung. Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Lê H trình bày tại bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2017 và tại biên bản hòa giải:*

Ông và bà B tự nguyện kết hôn với nhau đúng như lời trình bày của bà B. Quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì, duy chỉ có một lần vào tối ngày 14/3/2017 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn trong việc ăn uống, nên ông có sử dụng chổi quét nhà đánh vào người bà B. Tuy nhiên, sau đó ông đã xin lỗi bà B. Hiện nay, ông vẫn còn yêu thương bà B và mong muốn đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn. Về con chung: Giữa ông và bà B chưa có con chung. Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, nhưng đã được niêm yết hợp lệ, nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt đương sự là đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm B đề nghị Tòa án xét xử cho bà được ly hôn với ông Lê H và bà đề nghị Tòa án xét xử xử vắng mặt bà. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định.

+ Bị đơn ông Lê H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông H không đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa. Do vậy, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nơi ông H đang cư trú theo đúng quy định. Tại phiên tòa lần thứ ba ngày 14/8/2017 ông H vẫn không có mặt. Căn

cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà B và ông H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, đây là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù, bà B và ông H mới sống chung một thời gian rất ngắn, nhưng giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến việc xô xát và ông H đã sử dụng vũ lực với bà B. Tại phiên tòa, bà B vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu được ly hôn với ông H vì mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H đã được Tòa án thông báo hợp lệ về phiên tòa xét xử, tuy nhiên ông H đã không đến phiên tòa. Điều này cũng cho thấy ông H cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng đã cấm hành vi “Bạo lực gia đình”. Trong đời sống vợ chồng ông H đã không tôn trọng bà B, dùng vũ lực đối với bà B, đây là những hành vi vi phạm các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà B là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Bà Phạm B và ông Lê H khẳng định ông và bà không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Phạm B và ông Lê H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Phạm B phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm B được ly hôn với ông Lê H.

1.2. Về con chung: Không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm B phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số AA/2016/0006386 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, bà B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm B và ông Lê H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Đương sự;
- UBND xã C, thành phố N;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thanh Tùng